QUY TẮC BẢO HIỂM
TAI NẠN THUYỀN VIÊN



An tâm đồng hành - Vững bước vươn xa

1900 9456 bic.vn | mybic.vn Bảo hiểm BIDV - BIC

QUY TẮC BẢO HIỂM
TAI NẠN THUYỀN VIÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2059/QĐ-HH** ngày 15/07/2025*
của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Người được bảo hiểm và phạm vi bảo hiểm

1. Đối tượng được bảo hiểm: là những thuyền viên thuộc định biên của tàu, thuyền, có đủ điều kiện và đủ tiêu chuẩn làm việc theo quy định của luật pháp bao gồm: thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó, các thuỷ thủ, thợ máy, nhân viên phục vụ làm việc trên tàu, thuyền.
2. Phạm vi bảo hiểm: Người được bảo hiểm bị tai nạn dẫn tới tử vong, thương tật thân thể, mất tích trong khi họ đang làm việc và sinh hoạt trên tàu, thuyền hoặc trong lúc đang thừa hành công việc trên bờ hoặc dưới nước. Tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm là:

- Một lực bất ngờ, ngoài ý muốn của Người được bảo hiểm, từ bên ngoài tác động lên thân thể Người được bảo hiểm xảy ra trong thời hạn bảo hiểm và là nguyên nhân trực tiếp duy nhất làm cho Người được bảo hiểm bị chết hoặc bị thương tật thân thể hoặc mất tích.
- Bao gồm cả trường hợp Người được bảo hiểm có hành động cứu người, cứu tài sản của nhà nước, của nhân dân và tham gia chống các hành động phạm pháp.

Điều 2. Hợp đồng bảo hiểm

BIC tiến hành ký kết Hợp đồng bảo hiểm với Bên mua bảo hiểm kèm theo danh sách cá nhân được bảo hiểm và/hoặc cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho từng thuyền viên.

Điều 3. Số tiền bảo hiểm và phí bảo hiểm

Số tiền bảo hiểm được thỏa thuận trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm là giới hạn trách nhiệm tối đa của BIC đối với người được bảo hiểm trong một vụ tai nạn.

Phí bảo hiểm là số tiền mà Bên mua bảo hiểm phải trả cho BIC theo thời hạn và phương thức được thỏa thuận trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4. Hiệu lực bảo hiểm

Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu khi Bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm (trừ trường hợp có thoả thuận khác).

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Trường hợp yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho BIC biết trước 10 (mười) ngày tính đến ngày dự kiến chấm dứt Hợp đồng. BIC phải hoàn trả lại cho Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm 80% số phí bảo hiểm tương ứng của thời gian Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt. Trường hợp trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực đã xảy ra sự kiện bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm thì BIC không có trách nhiệm hoàn trả lại số phí bảo hiểm đã nộp.

Điều 6. Trách nhiệm của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm

1. Khi yêu cầu bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm phải kê khai đầy đủ và trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm;

2. Người được bảo hiểm phải chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy tắc an toàn lao động của đơn vị và yêu cầu về phòng hộ lao động khác;
3. Khi xảy ra tai nạn, Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm hoặc người đại diện có thẩm quyền phải trình báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định, đồng thời thông báo cho BIC trong vòng 48h kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Trường hợp Người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng không trung thực trong việc thực hiện các điều quy định trên trong Quy tắc này, BIC có thể từ chối một phần hoặc toàn bộ mức chi trả tiền bảo hiểm tương ứng với thiệt hại do lỗi của Người được bảo hiểm/người thụ hưởng gây ra hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật;
5. Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có nghĩa vụ tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm và quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của BIC

1. BIC có trách nhiệm cung cấp cho Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm Quy tắc bảo hiểm và các tài liệu liên quan tới bảo hiểm tai nạn thuyền viên.
2. Khi hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ, BIC phải tiến hành xem xét và giải quyết trong thời hạn giải quyết chi trả tiền bảo hiểm quy định tại khoản 2 Điều 11 dưới đây.

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Chi trả tiền bảo hiểm

1. Trong phạm vi số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm, BIC có trách nhiệm chi trả tiền bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm bị tai nạn chết hoặc bị thương. Mức chi trả tiền bảo hiểm cao nhất trong trường hợp bị chết hoặc mất hoàn toàn khả năng lao động là số tiền bảo hiểm được ghi trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật do tai nạn, mức chi trả tiền áp dụng theo Bảng tỉ lệ trả tiền bảo hiểm tổn thương, thương tật cơ thể của BIC tại thời điểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

   Tổng số các khoản chi phí quy định tại Điều 8 này trong bất kỳ trường hợp nào cũng không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
3. Trong trường hợp Người được bảo hiểm mất tích khi đang làm nhiệm vụ trên biển mà thuyền trưởng, chủ tàu đã áp dụng mọi biện pháp để tìm kiếm, cứu nạn nhưng không có kết quả và có đầy đủ tài liệu chứng minh là đã mất tích thì mức chi trả tiền bảo hiểm áp dụng như trường hợp chết. Nếu sau khi chi trả tiền bảo hiểm mà Người được bảo hiểm này còn sống thì người thụ hưởng đã nhận tiền bảo hiểm có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền bảo hiểm đó cho BIC.

Điều 9. Loại trừ bảo hiểm

BIC không chi trả tiền bảo hiểm do những nguyên nhân trực tiếp sau đây:

1. Hành động cố ý tự gây thương tích kể cả tự tử hay có ý định tự tử của Người được bảo hiểm dù trong bất kỳ hoàn cảnh, trạng thái nào;
2. Tai nạn xảy ra do Người được bảo hiểm sử dụng và bị ảnh hưởng bởi rượu, bia, ma tuý và các chất kích thích tương tự khác;
3. Do hành vi vi phạm pháp luật của Người được bảo hiểm;
4. Do chiến tranh, đình công, bạo động.

Điều 10. Hồ sơ yêu cầu chi trả tiền bảo hiểm

Khi yêu cầu BIC trả tiền bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng có trách nhiệm gửi cho BIC các chứng từ sau đây:

1. Giấy yêu cầu trả tiền bảo hiểm;
2. Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc trích (bản sao) danh sách Người được bảo hiểm;
3. Biên bản tai nạn có xác nhận của cơ quan, chính quyền địa phương hoặc công an nơi Người được bảo hiểm bị tai nạn;
4. Xác nhận điều trị của cơ quan y tế (Giấy ra viện, Phiếu điều trị và các giấy tờ có liên quan đến việc điều trị tai nạn);
5. Giấy chứng tử và Giấy xác nhận quyền thừa kế hợp pháp (trường hợp chết).
6. Trong trường hợp cần thiết, BIC có quyền yêu cầu Người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng bổ sung các chứng từ khác để làm rõ hồ sơ (nếu cần).

Trường hợp Người được bảo hiểm uỷ quyền cho người khác nhận số tiền bảo hiểm, phải có Giấy uỷ quyền hợp pháp.

Điều 11. Thời hạn yêu cầu, trả tiền bảo hiểm

1. Thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm là 01(một) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm, trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan và bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
2. Thời hạn trả tiền bảo hiểm của BIC là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ.
3. Trường hợp từ chối trả tiền bảo hiểm, BIC phải thông báo bằng văn bản cho người được bảo hiểm biết lý do từ chối trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ.

CHƯƠNG III: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 12. Thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm tuân theo quy định pháp luật.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên liên quan sẽ được đưa ra Toà án tại Việt Nam giải quyết.